



STAY HUNGRY FOR SUCCESS

04.11.2025

MARKET INSIGHTS REPORT

NĂNG HẠN GẶP MƯA RÀO NHỜ LỰC CẦU KHỐI NGOẠI

NỘI DUNG CHÍNH

03 Chuyển động thị trường

05 TTCK Việt Nam – góc nhìn giao dịch thị trường

06 Phân tích kỹ thuật
Thị trường cân bằng và phân hóa cao

07 Hỗ trợ và kháng cự cổ phiếu trong ngày

07 Cổ phiếu có khối lượng giao dịch đột biến

08 Danh mục khuyến nghị mua bán của Smart Invest

08 Tin tức kinh tế vĩ mô

09 Biểu đồ trong ngày

10 TTCK Mỹ
Dự báo các chỉ số chính sẽ tăng hoặc giảm nhẹ vào phiên tối nay

CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

THỊ TRƯỜNG TRONG NGÀY



ĐỘ RỘNG THỊ TRƯỜNG

HOSE

Tổng số cổ phiếu giao dịch	364
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	189
Số cổ phiếu giảm giá	117
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	58

HNX

Tổng số cổ phiếu giao dịch	211
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	86
Số cổ phiếu giảm giá	69
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	56

UPCOM

Tổng số cổ phiếu giao dịch	335
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	126
Số cổ phiếu giảm giá	117
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	92

GIAO DỊCH NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

HOSE

	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	154,624.08	108,105.78	46,518.30
% KL toàn thị trường	12.90%	9.02%	
Giá trị	4,818,903	3,596,111	1,222,792
% GT toàn thị trường	14.07%	10.50%	

HNX

	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	11,081.85	8,134.29	2,947.56
% KL toàn thị trường	12.90%	9.02%	
Giá trị	243,312	186,460	56,852
% GT toàn thị trường	8.35%	6.40%	

UPCOM

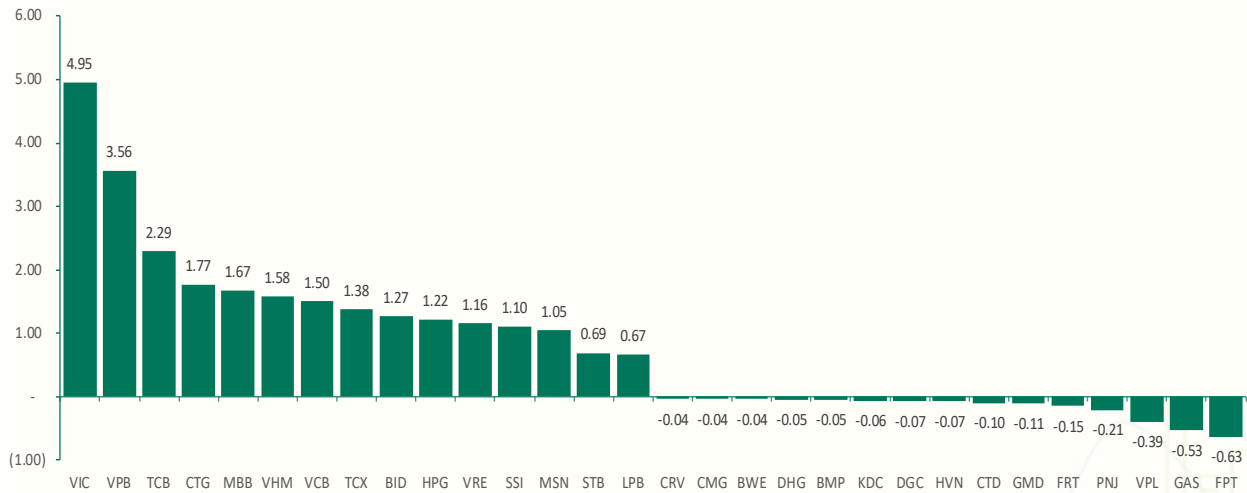
	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	374.74	1,003.21	(628.47)
% KL toàn thị trường	0.93%	2.48%	
Giá trị	16,986	136,213	(119,227)
% GT toàn thị trường	1.90%	15.26%	

CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

TOP 10 VỐN HÓA

STT	Mã CK	KL	Giá	Thay đổi	P/E	P/B	EPS	Vốn hóa
1	VIC	2,514,100	201,000	5,600 (2.87%)	86.08	4.82	2,335	779,976
2	VCB	2,952,400	60,100	800 (1.35%)	12.00	2.25	5,008	502,176
3	VHM	4,564,100	100,200	1,700 (1.73%)	16.01	1.75	6,259	411,563
4	CTG	7,379,300	49,950	1,450 (2.99%)	8.05	1.58	6,207	268,231
5	BID	3,482,600	37,900	800 (2.16%)	9.74	1.58	3,890	266,110
6	TCB	16,062,100	35,000	1,400 (4.17%)	11.24	1.38	3,113	248,018
7	VPB	31,974,700	29,500	1,900 (6.88%)	11.33	1.47	2,603	234,051
8	HPG	37,767,100	26,750	700 (2.69%)	12.40	1.61	2,157	205,319
9	MBB	38,226,500	24,000	900 (3.9%)	5.92	1.45	4,051	193,320
10	FPT	10,620,700	103,300	-1,700 (-1.62%)	17.25	4.11	5,988	175,972

TỔP CÁC CỔ PHIẾU ẢNH HƯỞNG TỚI VN-INDEX



TĂNG GIẢM CHỈ SỐ NGÀNH

Ngành	% Index (D)	% Index (YTD)	Số mã
Tất cả	+1.75%	+48.04%	1,598
▼ Tài chính	+3.12%	+27.43%	105
▶ Tổ chức tín dụng	+2.78%	+26.62%	29
▶ Dịch vụ tài chính	+5.83%	+38.61%	63
▶ Bảo hiểm	-0.32%	+21.44%	13
▶ Bất động sản	+2.72%	+124.21%	134
▼ Công nghiệp	+0.13%	+30.63%	400
▶ Vận tải	-0.42%	+22.51%	117
▶ Hàng hóa công nghiệp	+1.21%	+47.48%	230
▶ Dịch vụ thương mại và chuyên nghiệp	-0.28%	+37.14%	53
▼ Tiêu dùng thiết yếu	+2.21%	+10.14%	166
▶ Thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	+2.28%	+10.52%	156
▶ Thương mại hàng thiết yếu	-1.73%	0%	9
▶ Sản phẩm chăm sóc cá nhân và gia đình	-0.30%	+3.12%	4
▶ Nguyên vật liệu	+1.18%	+13.03%	283
▶ Tiện ích	-0.07%	+4.34%	154
▼ Tiêu dùng không thiết yếu	-0.09%	+22.00%	186
▶ Thương mại hàng không thiết yếu	+0.74%	+23.39%	66
▶ Dịch vụ tiêu dùng	-1.23%	-3.28%	37
▶ Thời trang và hàng tiêu dùng	-0.42%	+57.25%	71
▶ Xe và linh kiện	+0.78%	-0.69%	13
▼ Dịch vụ truyền thông	-3.67%	-21.64%	41
▶ Dịch vụ viễn thông	-3.88%	-23.26%	18
▶ Truyền thông và giải trí	-0.11%	+11.80%	23
▼ Công nghệ thông tin	-1.58%	-20.48%	16
▶ Phần mềm và dịch vụ	-1.57%	-21.13%	9
▶ Phần cứng và thiết bị	-0.98%	+78.39%	7
▶ Năng lượng	+0.61%	-2.63%	53
▼ Chăm sóc sức khỏe	-0.15%	+7.64%	58
▶ Dược phẩm, công nghệ sinh học và khoa học sự sống	-0.45%	+10.67%	47
▶ Thiết bị và dịch vụ chăm sóc sức khỏe	+2.96%	-27.72%	11

Năng hạn gặp mưa rào nhờ lực cầu khối ngoại

Góc nhìn giao dịch thị trường

Chỉ số VN-Index đóng cửa tăng 34.98 điểm (+ 2.16 %) trong ngày hôm nay. Hôm nay có vài điểm đáng lưu ý như sau:

(1) Dịch vụ tài chính, tổ chức tín dụng, bất động sản, thực phẩm đồ uống và thuốc lá, hàng hóa công nghiệp, nguyên vật liệu, xe và linh kiện, thương mại hàng không thiết yếu, năng lượng...là nhóm tăng giá nhiều nhất trong ngày. Đà tăng được dẫn dắt bởi các cổ như SSI, VND, VIX, SHS, CTS, VDS, ORS, VCB, CTG, BID, TCB, VPB, STB, SHB, VIB, VIC, VHM, VRE, KBC, CEO, TAL, PDR, DXG, DIG, TCH, DXS, NLG, NVL, KDH, MCH, MSN, HAG, VHC, DBC, GEX, GEE, VCG, DPG, FCN, HPG, GVR, DCM, DPM, NKG, HSG, SRC, MWG, HUT, DGW, HHS, PET, BSR, PVD...Các điểm cần lưu ý ở những nhóm ngành này:

(i) SSI tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nến giao dịch là: "White Closing Marubozu";
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ SSI đang sóng đối kháng 4 của chuỗi 5 sóng giảm giá với kháng cự hiện tại là 36 – Muốn phá vỡ mẫu hình này, SSI cần có Break out ngưỡng kháng cự;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 55%;

(ii) VPB tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nến giao dịch là: "White Closing Marubozu";
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ VPB đang ở sóng 4 với mô hình ABC với việc vận đủ 5 sóng nhỏ giảm trong sóng C. Một Break out kháng cự 30 sẽ khẳng định cổ phiếu hình thành sóng 5 tăng giá với mục tiêu trở lại đỉnh cũ hoặc vùng giá 50. Đây là mô hình rất tích cực;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 53%;

(iii) KDH tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nến giao dịch là: "White Candle";
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ KDH đang hình thành sóng 5 tăng giá với mục tiêu 43;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 57%;

(iv) DPG tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nến giao dịch là: "Long White Candle";
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Mô hình hai đáy với phân kỳ dương cảnh báo sự đảo chiều – Tín hiệu tích cực;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 51%;

(v) NKG tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nến giao dịch là: "White Closing Marubozu";
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ RSI(14) thiết lập mốc cao mới gợi ý khả năng giá tiếp tục tăng;
- ✓ Một Break out kháng cự 17 xác nhận sóng tăng gia trở lại với mục tiêu 21-23;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 55%;

(2) Dịch vụ viễn thông, phần mềm và dịch vụ, thời trang và hàng lâu bền, vận tải, bảo hiểm, tiện ích...là nhóm giảm giá nhiều nhất trong ngày. Đà giảm được dẫn dắt bởi các cổ như VGI, FOX, FPT, CMG, VGT, MSH, STK, ACV, HVN, GMD, HAH, PVI, MIG, BIC, GAS ...Các điểm cần lưu ý ở những nhóm ngành này:

(i) VGI giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nến giao dịch là: "Small Black Candle";
- ✓ Giá giảm khối lượng giảm – Tín hiệu giảm giá không có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ VGI sau khi tăng chạm vùng quá mua xuất hiện nhịp điều chỉnh nhỏ để tái tích lũy. Hỗ trợ hiện tại quanh vùng giá 74;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 55%;

(ii) FPT giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nến giao dịch là: "Small Black Candle";
- ✓ Giá giảm khối lượng giảm – Tín hiệu giảm giá không có sự hỗ trợ của khối lượng;
- ✓ FPT có sóng đối kháng tăng giá và hiện chạm kháng cự động MA(200) – NĐT nếu nắm giữ cổ phiếu này thì nên thận trọng quan sát giao dịch khu vực này. Nếu cổ phiếu không có Break out trong 3-5 phiên tới mà hình thành tổ hợp nến giảm cần giảm tỷ trọng bởi trong lần thử thách trước khi không thể chinh phục, FPT đã thiết lập một mốc đáy thấp hơn;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 56%;

(iii) HAH giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nến giao dịch là: "Small White Candle";
- ✓ Giá giảm khối lượng giảm – Tín hiệu giảm giá không có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ HAH đang gặp kháng cự trung hạn quanh vùng giá 65 – Có vẻ cổ phiếu đang giao dịch tái tích lũy quanh khu vực kháng cự này. Một Break out sẽ xác nhận xu hướng tăng giá tiếp tục;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 57%;

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT: Mô hình Flat Base vẫn trụ vững dù có lúc rất tiêu cực

VN-Index dưới góc nhìn kỹ thuật

VN-Index đóng cửa giao dịch tạo thành mẫu hình giao dịch “White Candle”. Khối lượng giao dịch tăng và vượt mức trung bình 20 ngày. Theo lý thuyết, thì giá tăng khối lượng giao dịch tăng là mô hình tăng giá có sự hỗ trợ của khối lượng – Tín hiệu tích cực.

Các điểm cần lưu ý:

(i) NĐT nước ngoài mua ròng hơn 1,070 tỷ đồng (Tính cả 3 sàn). Tốp mua ròng khớp lệnh của nước ngoài gồm các mã: VIX, VPB, MSN, ACB, SHS, FPT, CII, VSC, CTG, KDH... Tốp bán ròng khớp lệnh của nước ngoài gồm các mã: HDB, MCH, STB, VHM, TCB, CEO, VCB, MWG, GEX...Hôm nay, NĐT cá nhân trong nước và tổ chức nước ngoài đóng vai trò mua ròng còn tự doanh, tổ chức trong nước và cá nhân nước ngoài là nhóm bán ròng cổ phiếu.

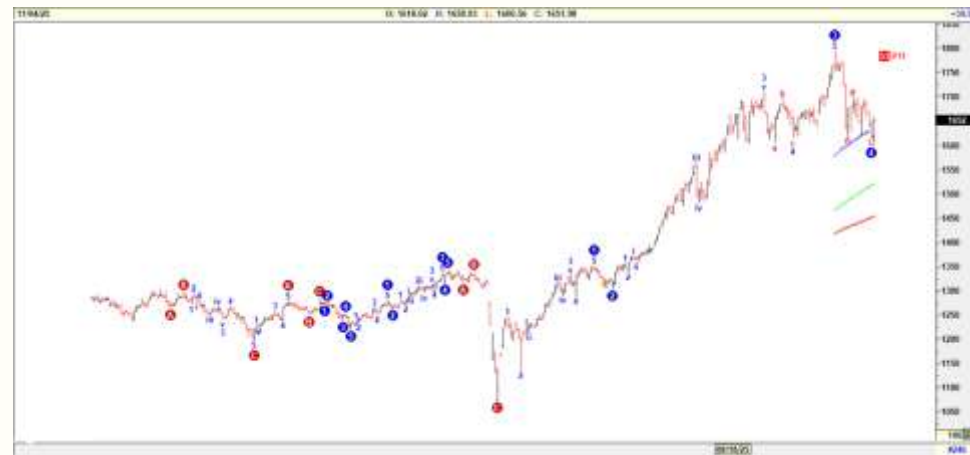
(ii) VN-Index một lần nữa phục hồi từ ngưỡng hỗ trợ 1,600 điểm lần thứ 6 và chỉ số vẫn giữ nguyên mô hình Flat Base với khung giao động quanh 1,600 – 1,700 điểm. So với nhịp phục hồi gần đây lần này thì chỉ số tăng điểm tốt hơn bao gồm việc có khối lượng tăng vượt trung bình 20 ngày, độ rộng thị trường tăng mạnh ở hầu hết các ngành và sự tham gia của hai ngành có tính đầu cơ cao trên thị trường là chứng khoán và bất động sản. Ngoài ra, cây nến tăng giá hôm nay cũng phủ nhận hoàn toàn cây nến giảm giá hôm qua. Xét về xung lực đây là tín hiệu tốt hơn so với những lần giao dịch trước. Một phần có lẽ tới từ sự dừng lỗ quyết liệt của NĐT khi nguy cơ thị trường gãy 1,600 điểm lần này là cao hơn so với những lần thử thách trước đây. Tuy nhiên, chúng ta chỉ có thể khẳng định quá trình điều chỉnh sóng 4 đã kết thúc nếu chỉ số chinh phục và vượt kháng cự 1,700 điểm.

Các cổ phiếu có dòng tiền vào mạnh là: MIG, BMII, BVH, PVI, MCH, DCL, PVS, MSH...

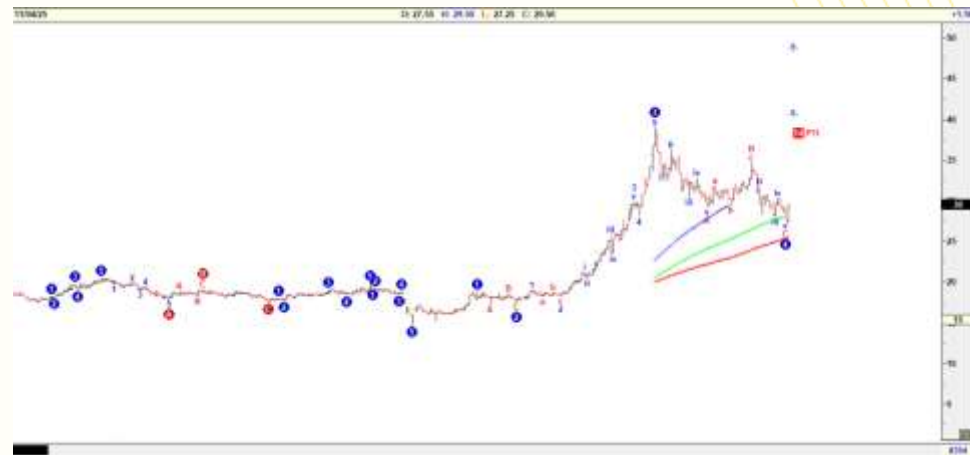
Theo phương pháp phân tích “Price Action” với VN30 chúng ta có 03 mã cho tín hiệu mua, 05 mã cho tín hiệu bán, 22 mã cho tín hiệu đi ngang. Các mã MSN, SHB, GVR...cho tín hiệu tích cực.

Theo thống kê định lượng, với mẫu hình hôm nay thì phiên giao dịch tiếp theo, VN-Index có xác suất giảm điểm là 53% và 40.28% giá đóng cửa cao hơn giá mở cửa. Dựa trên thống kê, chỉ số sẽ giảm điểm với giá đóng cửa thấp hơn giá mở cửa vào phiên giao dịch ngày thứ 4. Về cơ bản các kiểu giao dịch gần đây có xác suất thống kê tiêu cực phần nào phản ánh tâm lý dao động rất lớn giữa lạc quan và bi quan của NĐT. Hỗ trợ là 1,600 điểm và kháng cự là 1,700 điểm.

Biểu đồ chỉ số VN-Index



Biểu đồ cổ phiếu VPB



HỖ TRỢ VÀ KHÁNG CỰ CỔ PHIẾU TRONG NGÀY

CỔ PHIẾU CÓ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH ĐỘT BIẾN

Ticker	Pivot	BC	TC	NarrowRange	R1	R2	R3	R4	S1	S2	S3	S4
HNX30	563.16	557.33	568.98	NO	586.46	598.12	621.42	633.08	551.5	528.2	516.54	493.24
HNXINDEX	262.48	260.76	264.19	NO	269.34	272.78	279.64	283.08	259.04	252.18	248.74	241.88
UPINDEX	115.4	115.46	115.34	YES	116.15	117.01	117.76	118.62	114.54	113.79	112.93	112.18
VN30	1883.23	1875.99	1890.47	NO	1923.03	1948.35	1988.15	2013.47	1857.91	1818.11	1792.79	1752.99
VNINDEX	1637.16	1629.75	1644.57	NO	1673.75	1695.53	1732.12	1753.9	1615.38	1578.79	1557.01	1520.42
VNXALL	2815.16	2799.86	2830.45	NO	2887.59	2929.45	3001.88	3043.74	2773.3	2700.87	2659.01	2586.58
VN30FIM	1885.57	1879.35	1891.78	NO	1920.13	1942.27	1976.83	1998.97	1863.43	1828.87	1806.73	1772.17
VN30FIQ	1876.73	1872.45	1881.02	NO	1907.47	1929.63	1960.37	1982.53	1854.57	1823.83	1801.67	1770.93
VN30F2M	1882.1	1875.5	1888.7	NO	1916.2	1937.1	1971.2	1992.1	1861.2	1827.1	1806.2	1772.1
VN30F2Q	1880.7	1873.55	1887.85	NO	1909.3	1923.6	1952.2	1966.5	1866.4	1837.8	1823.5	1794.9
BCM	66.27	65.9	66.63	NO	67.73	68.47	69.93	70.67	65.53	64.07	63.33	61.87
BID	37.6	37.45	37.75	NO	38.3	38.7	39.4	39.8	37.2	36.5	36.1	35.4
ACB	25.83	25.75	25.92	NO	26.27	26.53	26.97	27.23	25.57	25.13	24.87	24.43
BVH	53.73	53.45	54.02	NO	55.77	57.23	59.27	60.73	52.27	50.23	48.77	46.73
CTG	49.27	48.92	49.61	NO	50.68	51.42	52.83	53.57	48.53	47.12	46.38	44.97
FPT	103.23	103.2	103.27	YES	104.77	106.23	107.77	109.23	101.77	100.23	98.77	97.23
GAS	60.93	61.15	60.72	NO	61.77	63.03	63.87	65.13	59.67	58.83	57.57	56.73
GVR	28.35	28.15	28.55	NO	29.35	29.95	30.95	31.55	27.75	26.75	26.15	25.15
HDB	30.48	30.17	30.79	NO	31.72	32.33	33.57	34.18	29.87	28.63	28.02	26.78
HPG	26.52	26.4	26.63	NO	27.08	27.42	27.98	28.32	26.18	25.62	25.28	24.72
LPB	51.73	51.75	51.72	YES	52.47	53.23	53.97	54.73	50.97	50.23	49.47	48.73
MBB	23.85	23.78	23.92	NO	24.5	25	25.65	26.15	23.35	22.7	22.2	21.55
MSN	78.3	77.45	79.15	NO	82.2	84.4	88.3	90.5	76.1	72.2	70	66.1
MWG	80.77	80.25	81.28	NO	83.03	84.27	86.53	87.77	79.53	77.27	76.03	73.77
PLX	34.15	34.13	34.17	YES	34.55	34.9	35.3	35.65	33.8	33.4	33.05	32.65
SAB	46.07	45.97	46.16	NO	46.63	47.02	47.58	47.97	45.68	45.12	44.73	44.17
SSB	17.6	17.5	17.7	NO	18	18.2	18.6	18.8	17.4	17	16.8	16.4
SHB	16.02	15.88	16.16	NO	16.68	17.07	17.73	18.12	15.63	14.97	14.58	13.92
SSI	33.87	33.42	34.31	NO	35.63	36.52	38.28	39.17	32.98	31.22	30.33	28.57
STB	53.47	53.25	53.68	NO	55.23	56.57	58.33	59.67	52.13	50.37	49.03	47.27
TCB	34.55	34.33	34.77	NO	35.65	36.3	37.4	38.05	33.9	32.8	32.15	31.05
TPB	17.08	17	17.17	NO	17.62	17.98	18.52	18.88	16.72	16.18	15.82	15.28
VHM	100.2	100.2	100.2	YES	102	103.8	105.6	107.4	98.4	96.6	94.8	93
VCB	59.87	59.75	59.98	NO	60.63	61.17	61.93	62.47	59.33	58.57	58.03	57.27
VIB	18.72	18.6	18.83	NO	19.33	19.72	20.33	20.72	18.33	17.72	17.33	16.72
VJC	185.87	185.9	185.83	YES	188.93	192.07	195.13	198.27	182.73	179.67	176.53	173.47
VIC	200.67	200.5	200.83	YES	205.23	209.47	214.03	218.27	196.43	191.87	187.63	183.07
VPB	28.75	28.38	29.13	NO	30.25	31	32.5	33.25	28	26.5	25.75	24.25
VRE	32.78	32.42	33.14	NO	34.22	34.93	36.37	37.08	32.07	30.63	29.92	28.48
VNM	57.17	57.1	57.23	NO	58.03	58.77	59.63	60.37	56.43	55.57	54.83	53.97

- Resistance và Support: Là các hỗ trợ và kháng cự trong ngày của cổ phiếu. Nhà đầu tư khi mua bán thì cần theo các vùng giá hỗ trợ hay kháng cự.
- Pivot: Là nơi xác nhận xu hướng đảo chiều của cổ phiếu.

Ticker	Volume	AvgVolume 10 Days	Change %	Daily Returns %
KHG	43,208,400	20,513,750	211	4.69
PVD	17,022,000	5,498,510	310	3.39
ANV	4,706,100	2,314,720	203	-0.68
VFS	4,181,200	1,940,340	215.49	-2.86
MCH	1,799,900	496,960	362	4.4
TAL	1,558,500	427,860	364	6.89
HID	1,527,500	621,800	245.66	-6.47
SBS	1,383,200	591,790	234	7.41
VEA	1,294,000	524,400	247	0.97
BVH	1,009,800	366,280	275.69	0
MSH	895,300	333,640	268	-2.56
TCI	786,200	298,700	263	3.5
HII	559,400	258,400	216	-2.83
LGL	425,000	159,200	267	4.26
TTA	414,200	132,560	312.46	0.86
IVS	403,200	198,160	203	4.55
BWE	366,500	128,570	285	-1.56
CTX	317,400	123,610	257	2.58
PLP	313,600	69,770	449	4.17
TDP	295,300	126,710	233.05	-4.14
BIC	286,500	138,910	206	-1.57
GPC	240,500	89,400	269	4.35
BNA	235,200	109,970	214	2.86
SJM	210,900	15,770	1,337	11.9
LHG	203,200	92,460	219.77	0.5
HAP	185,900	82,930	224	4.5
VTB	156,800	67,810	231	0.72
BCE	155,700	36,720	424	0
PBC	148,000	37,570	394	1.61
SBB	142,600	31,570	452	-2.29
TT6	137,800	11,590	1,189	12.07
OCH	131,800	63,940	206	-1.61
DST	122,300	39,520	309	0
D2D	117,200	43,990	266	-0.7
TVB	117,100	35,060	334	2.91
TNT	106,700	46,390	230	-2.17
PTI	102,900	16,740	615	1.83
PSB	102,500	18,210	563	4.55
SCI	101,400	31,830	319	-2.91
KSQ	92,000	30,610	301	-5.56

- Lưu ý: PVD, KHG...có khối lượng giao dịch đột biến lớn

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ MUA BÁN CỦA SMART INVEST

Ngày khuyến nghị	Mã CK	Khuyến nghị hành động	Giá mua/bán	Hiệu suất sinh lời	Ghi chú
23-Oct	HAH	Mua	≤ 59.5	10% -20%	Sóng 5 tăng giá đang hình thành/Nên mua khi có giá giảm

Các lưu ý cần chú ý:

- Hôm nay chúng tôi **KHÔNG MỞ MUA CỔ PHIẾU MỚI**;

Tin tức kinh tế, vĩ mô

- Thị trường ngoại tệ:** Phiên 03/11, NHNN giữ nguyên niêm yết tỷ giá trung tâm ở mức 25.093 VND/USD. Tỷ giá mua giao ngay được niêm yết ở mức 23.889 VND/USD, cao hơn 50 đồng so với tỷ giá sàn. Tỷ giá bán giao ngay được niêm yết ở mức 26.297 VND/USD, thấp hơn 50 đồng so với tỷ giá trần. Trên thị trường LNH, tỷ giá chốt phiên với mức 26.310 VND/USD, tăng nhẹ 03 đồng so với phiên 31/10. Tỷ giá trên thị trường tự do giảm 50 đồng ở cả hai chiều mua vào và bán ra, giao dịch tại 27.750 VND/USD và 27.800 VND/USD.
- Thị trường tiền tệ LNH:** Ngày 03/11, lãi suất chào bình quân LNH VND tăng 0,22 – 0,82 đpt ở các kỳ hạn ngắn trong khi giảm 0,05 đpt ở kỳ hạn 1M so với phiên cuối tuần trước, giao dịch tại: ON 5,40%; 1W 5,65%; 2W 5,50% và 1M 5,60%. Lãi suất chào bình quân LNH USD giảm mạnh 0,06 – 0,10 đpt ở tất cả các kỳ hạn, giao dịch tại: ON 3,95%; 1W 3,98%; 2W 4,03%, 1M 4,08%. Lợi suất TPCP trên thị trường thứ cấp không thay đổi ở hầu hết các kỳ hạn ngoại trừ tăng nhẹ ở kỳ hạn 10Y, chốt phiên tại: 3Y 2,91%; 5Y 3,16%; 7Y 3,42%; 10Y 3,82%; 15Y 3,89%.
- Nghiệp vụ thị trường mở:** Trên kênh cầm cố, phiên hôm qua, NHNN chào thầu 1.000 tỷ đồng ở kỳ hạn 7 ngày, 8.000 tỷ đồng ở kỳ hạn 14 ngày, 13.000 tỷ đồng ở kỳ hạn 28 ngày và 5.000 tỷ đồng ở kỳ hạn 91 ngày, lãi suất đều ở mức 4,0%. Chưa có kết quả trúng thầu. Có 5.000 tỷ đồng đáo hạn. NHNN không chào thầu tín phiếu NHNN.

Cách thức chốt lời và dừng lỗ

- Các mã trong danh mục chúng tôi khuyến nghị khi đạt hiệu suất sinh lời kỳ vọng nhà đầu tư có thể chốt lời hoặc đặt Trailing Stop (Các lệnh duy trì mức lãi mong muốn để đảm bảo tỷ lãi khi thị trường đảo chiều sau khi đã có lãi đạt kỳ vọng và để tài khoản nuôi lãi chạy).

Nguyên tắc dừng lỗ. Nhà đầu tư có thể lựa chọn các nguyên tắc dừng lỗ sau tùy theo quan điểm lựa chọn:

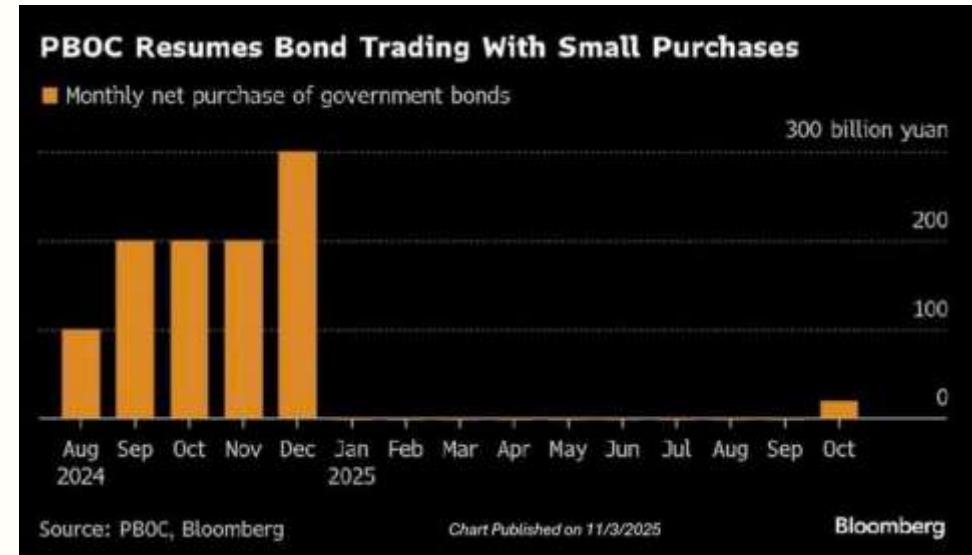
- Đặt mức dừng lỗ bằng ½ mức lợi nhuận trung bình mà mình kiếm được hàng năm;
- Đặt mức dừng lỗ theo điểm "Uncle": Ngưỡng mà bản thân không thể chịu đựng được;
- Đặt mức dừng lỗ 10% ;

BIỂU ĐỒ TRONG NGÀY

Suất sinh lời của ETF mô phỏng thị trường chứng khoán các nước

Country ETFs: % Change Since Inauguration Day (1/20) and 4/8 Low									
Ticker	Country	ETF Name	Since 1/20	Since 4/8	Ticker	Country	ETF Name	Since 1/20	Since 4/8
EWY	South Korea	iShares MSCI	76.9	98.3	EWU	UK	iShares MSCI	24.1	28.6
EWP	Spain	iShares MSCI	58.0	46.9	EWG	Germany	iShares MSCI	22.9	22.6
EPU	Peru	iShares MSCI	55.2	62.9	EWD	Sweden	iShares MSCI	22.3	29.5
GREK	Greece	Global X MSCI	54.0	45.9	KWT	Kuwait	iShares MSCI	21.2	17.8
EPOL	Poland	iShares MSCI	52.7	36.5	EIRL	Ireland	iShares MSCI	19.5	27.6
VNAM	Vietnam	Global X MSCI	51.7	76.1	ENOR	Norway	iShares MSCI	19.0	25.1
EZA	South Africa	iShares MSCI	49.4	57.3	EWQ	France	iShares MSCI	18.7	24.2
COLO	Colombia	Global X MSCI	48.2	43.2	EWL	Switzerland	iShares MSCI	17.4	17.5
EWO	Austria	iShares MSCI	46.8	40.9	UAE	UAE	iShares MSCI	15.9	26.3
EWX	Mexico	iShares MSCI	40.2	38.4	SPY	US	SPDR S&P 500	14.1	37.4
EFNL	Finland	iShares MSCI	38.1	38.8	ARGT	Argentina	Global X MSCI	11.3	34.3
MCHI	China	iShares MSCI	37.6	40.6	EWA	Australia	iShares MSCI	10.4	28.6
EWI	Italy	iShares MSCI	37.2	41.6	EWM	Malaysia	iShares MSCI	10.3	21.9
ECH	Chile	iShares MSCI	37.0	33.3	QAT	Qatar	iShares MSCI	8.4	12.0
EWZ	Brazil	iShares MSCI	32.4	33.0	INDA	India	iShares MSCI	5.5	9.8
EWH	Hong Kong	iShares MSCI	31.3	41.7	EDEN	Denmark	iShares MSCI	5.3	16.5
EWS	Singapore	iShares MSCI	29.2	40.7	THD	Thailand	iShares MSCI	4.7	33.8
EWK	Belgium	iShares MSCI	29.0	27.8	ENZL	New Zealand	iShares MSCI	1.0	16.2
EWT	Taiwan	iShares MSCI	28.1	62.8	EPHE	Philippines	iShares MSCI	-0.8	1.7
EWN	Netherlands	iShares MSCI	27.5	40.4	EIDO	Indonesia	iShares MSCI	-1.2	27.3
EWJ	Japan	iShares MSCI	26.1	35.4	KSA	Saudi Arabia	iShares MSCI	-3.9	5.5
EIS	Israel	iShares MSCI	25.5	46.8	TUR	Turkey	iShares MSCI	-6.2	7.3
EWX	Canada	iShares MSCI	25.1	36.5					
Average								26.2	34.2
Median								28.6	40.9

PoBC (NHTW Trung Quốc) bắt đầu thực hiện QE dù còn khá nhỏ



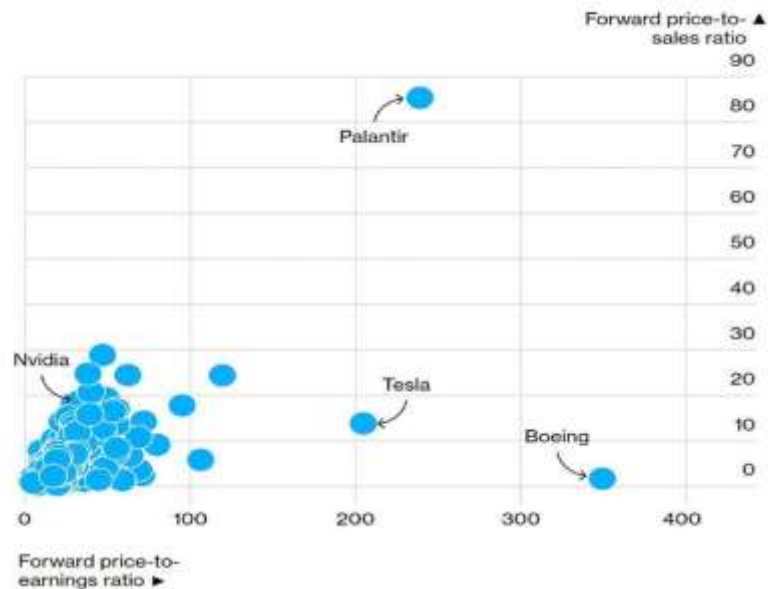
TTCK MỸ

Độ rộng thị trường đang suy giảm gợi ý khả năng đi xuống của chỉ số

PLRT đang ở mức định giá cao – Ngôi sao chuyên bán khổng Burry đang đặt cược hơn 66% danh mục vào hợp đồng PUT (Quyền chọn bán cổ phiếu này);



Palantir's Valuation Stands Out Among S&P 500 Stocks



KMB thiết lập đáy mới – Tín hiệu tiêu cực



Phân kỳ giữa chỉ số S&P 500 và độ rộng thị trường gợi ý khả năng điều chỉnh



Kết luận: Dự báo các chỉ số chính sẽ giảm điểm vào phiên giao dịch tối nay.



(*)Bản quyền: Bản tin này được bảo vệ bản quyền Công ty Cổ phần Chứng Khoán Smart Invest bởi luật pháp Việt Nam và các luật lệ, công ước khác. Mọi hình thức sao chép, tái bản, sử dụng trên các phương tiện truyền thông đối với Bản tin này cần được sự đồng thuận của Công ty cổ phần chứng khoán Smart Invest.

Tuyên bố miễn trách nhiệm: Những dữ liệu trong Bản tin này được dựa trên và dẫn xuất từ những nguồn thông tin đại chúng và được cho là đáng tin cậy; tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm và cam kết về tính chính xác và thích hợp của các thông tin đó đối với mọi đối tượng người dùng. Dữ liệu trong Bản tin có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản tin được viết cho mục đích cung cấp thông tin, không bao gồm bất cứ một khuyến nghị mua bán nào hướng tới mọi loại công cụ tài chính và cam kết trong bất kỳ chiến lược giao dịch nào. Công ty cổ phần chứng khoán Smart Invest miễn trách đối với mọi hình thức hiểu và sử dụng Bản tin.

CTCP Chứng khoán Smart Invest (AAS)

 <https://www.aas.com.vn>
 1900 1811
 trungtamcskh@aas.com.vn



TRẢI NGHIỆM NGAY

